TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2024/LĐ - ST Ngày: 06-9-2024 V/v: Tranh chấp về hợp đồng lao động	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lý –Cán bộ hưu trí

2. Bà Nguyễn Thị Thắm – Nguyên Chủ tịch Công đoàn cơ sở thuộc Trung tâm y tế thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 43/2024/TLST-LĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, về việc: "Tranh chấp về hợp đồng lao động", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vòng Lộc M, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ F, khu phố F, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:*

Công ty TNHH C (Việt Nam)

Địa chỉ trụ sở: Lô L - CN, đường D, khu công nghiệp M, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thùy Thiên N, sinh năm 1994; địa chỉ: Lô L, đường D, khu công nghiệp M, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 24/7/2024). Xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Huỳnh B – chuyên viên Bảo hiểm xã hội thành phố B (Văn bản ủy quyền ngày 16/8/2024). Xin vắng mặt.

Bà Vòng Thị N1, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ H, ấp D, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Vòng Lộc M trình bày:

Bà M và bà Vòng Thị N1 là chị em ruột với nhau.

Vào tháng 5/2009 do bà N1 chưa đủ tuổi lao động nên bà M có cho bà N1 mượn hồ sơ xin việc có chứng minh nhân dân của bà N1 đi làm tại Công ty TNHH C (Việt Nam)

Sau khi bà N1 đi làm tại Công ty C thì Công ty có ký kết hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định cho bà N1 nhưng trên giấy tờ là đóng bảo hiểm cho bà M.

Trong quá trình bà N1 đi làm tại Công ty C và được đóng bảo hiểm thì bà M đang làm công nhân tại Công ty TNHH T tại trụ sở khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Giữa bà M và Công ty T có ký kết hợp đồng lao động và Công ty T có đóng bảo hiểm cho cho bà M theo quy định.

Đến tháng 7/2010 vì công việc gia đình nên bà N1 nghỉ làm tại công ty C trên và trả lại hồ sơ xin việc cho bà M. Bà M vẫn tiếp tục làm việc tại Công ty T và được đóng bảo hiểm theo quy định.

Đến năm 2023 bà M có liên hệ với Bảo hiểm xã hội B làm thủ tục hủy thủ tục bảo hiểm xã hội trùng giữa bà M và bà N1. Tuy nhiên Bảo hiểm xã hội B hướng dẫn bà M khởi kiện đến Tòa án thành phố B để Tòa án giải quyết hủy hợp đồng lao động giữa bà M với công ty C thì bà M mới rút bảo hiểm được. Bà M đang làm thủ tục rút bảo hiểm của thời gian bà M làm việc tại Công ty TNHH G ở M, C, Bình Phước.

Do đó bà M có đơn kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa bà Vòng Lộc M và Công TNHH Công nghiệp gỗ K1 (Việt Nam) là vô hiệu.

Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn Công ty TNHH C (Việt Nam) – do bà Nguyễn Thùy Thiên N đại diện trình bày:

Vào ngày 12/5/2008 Công ty có nhận hồ sơ của bà Vòng Lộc M nộp hồ sơ vào làm việc tại Công ty cổ phần C (Việt Nam) nay là Công ty TNHH C (Việt Nam). Bà M làm công nhân tại bộ phận sơn 7. Thời gian thử việc là 05 tháng, ký kết hợp đồng lao động vào ngày 01/10/2008 số HĐLĐ: V081632.FT. Công ty T1 và trích đóng BHXH cho bà M theo quy định từ tháng 10/2008 đến tháng 01/2013. Đến ngày 01/02/2013 bà M làm thủ tục thôi việc và kết thúc hợp đồng lao động với Công ty C nên Công ty đã báo giảm bảo hiểm cho bà M trong tháng 01/2023 tại Công ty. Các chế độ lương thưởng và chế độ khác của người lao động đã được giải quyết theo đúng quy định.

Hiện tại Hợp đồng lao động số HĐLĐ: V081632.FT ngày 01/10/2008 giữa Công ty và bà M thì Công ty không còn lưu giữ và không cung cấp cho Tòa án được.

Công ty Q thông qua giấy tờ tùy thân, hồ sơ lí lịch có liên quan và đóng bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của pháp luật. Nay bà M thừa nhận cho người khác mượn giấy tờ để xin việc ở Công ty thì Công ty T2 đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của bà M theo đúng quy định của pháp luật.

Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B – do ông Nguyễn Huỳnh B đại diện trình bày:

Công ty TNHH C (Việt Nam) đóng bảo xã hội, bảo hểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho thông tin Vòng Lộc M (hồ sơ giả), số chứng minh nhân dân 271749977 (với mã số BHXH 7408276492 từ tháng 10/2008 đến tháng 10/2010. Bà M chưa hưởng chế độ trợ cấp bảo hiểm xã hội 01 lần và bảo hiểm thất nghiệp của mã số 7408276492).

Bảo hiểm xã hội thành phố B đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Ông B yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vòng Thị N1 trình bày:

Bà N1 là em ruột của bà Vòng Lộc M. Vào 5/2009 do chưa đủ 18 tuổi nên bà N1 làm hồ sơ xin việc gồm có lí lịch và chứng minh nhân dân lấy tên bà M xin việc tại Công ty C ở T, B. Công ty C đã ký hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội cho bà N1 từ tháng 05/2009 đến tháng 7/2010 với tên Vòng Lộc M. Trong thời gian này bà M cũng làm tại Công ty TNHH T và Công ty T có đóng bảo hiểm xã hội cho bà M.

Vì không hiểu biết nghĩ là đi làm công nhân chưa đủ tuổi thì mượn tên của chị gái nên bà N1 đã mượn tên của bà M.

Nay bà M xin rút bảo hiểm không được vì lý do đóng trùng bảo hiểm ở 02 công ty T và K.

Nay bà M khởi kiện Công ty C yêu cầu hủy hợp đồng lao động đã được ký kết giữa Công ty C và bà M (do bà N1 lấy tên ký) thì bà N1 không có ý kiến gì. Bà N1 không yêu cầu gì và không có liên quan gì.

Bà N1 yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Vòng Lộc M, bị đơn Công ty TNHH C (Việt Nam) – do bà Nguyễn Thùy Thiên N đại diện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vòng Thị N1 và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B là ông Nguyễn Huỳnh B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án: Nguyên đơn bà M khởi kiện Công ty TNHH C (Việt Nam); địa chỉ: Lô L - CN, đường D, khu công nghiệp M, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương về việc tranh chấp hợp đồng lao động. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xác định bị đơn là Công ty TNHH C (Việt Nam). Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng lao động, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[1.3] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH C (Việt Nam) và bà Vòng Lộc M. Tuy nhiên, Công ty TNHH C (Việt Nam) thừa nhận có ký kết hợp Hợp đồng lao động số V081632.FT ngày 01/10/2008 với bà M và có tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động Vòng Lộc M. Hiện Công ty không còn lưu giữ Hợp đồng lao động nên không thể cung cấp cho Tòa án. Như vậy, thực tế có tồn tại Hợp đồng lao động giữa Công ty và người lao động có tên là Vòng Lộc M. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động lấy tên Vòng Lộc M như sau: Bảo hiểm xã hội thành phố B xác nhận: Công ty TNHH C (Việt Nam) đóng bảo xã hội, bảo hểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho thông tin Vòng Lộc M (hồ sơ giả), số chứng minh nhân dân 271749977 (với mã số BHXH 7408276492 từ tháng 10/2008 đến tháng 10/2010.

[2.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Bà Vòng Lộc M cho em ruột là bà Vòng Thị Ngọc M1 chứng minh nhân dân của bà M và lấy danh nghĩa của bà M ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C (Việt Nam). Bà N1 với tên

của bà M làm việc và được Công ty tham gia đóng bảo xã hội, bảo hểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho thông tin Vòng Lộc M (hồ sơ giả), số chứng minh nhân dân 271749977 (với mã số BHXH 7408276492 từ tháng 10/2008 đến tháng 10/2010).

Việc bà N1 mượn hồ sơ của bà M để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C (Việt Nam) thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc bà N1 sử dụng hồ sơ của bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N1 xác nhận: Do thiếu hiểu biết pháp luật và hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có thu nhập để giúp đỡ gia đình nên bà N1 có mượn giấy tờ tùy thân của bà M để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C (Việt Nam).

Việc bà N1 sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà M để giao kết hợp đồng lao động với Công ty C (Việt Nam) là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó bà Vòng Lộc M yêu cầu tuyên hợp đồng lao động giữa bà Vòng Lộc M (do bà Vòng Thị Ngọc M1 tên) với Công ty TNHH C (Việt Nam) vô hiệu là có căn cứ và được chấp nhận theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vòng Lộc M về việc

tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH C (Việt Nam).

Tuyên bố hợp đồng lao động giao kết giữa Công ty TNHH C (Việt Nam) và bà Vòng Lộc M vô hiệu.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Vòng Lộc M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thế Thị Ngọc Anh